

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Chương trình Khuyến công tỉnh Khánh Hòa**  
**giai đoạn 2016-2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Khuyến công quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương về hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu;

Căn cứ Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 11/10/2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành quy định về xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 02/10/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa Ban hành quy định mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2016-2020 tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 37 /TTr-SCT ngày 15 /10/2015 về việc phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình Khuyến công tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HB, HP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**K. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Sơn Hải

## **CHƯƠNG TRÌNH**

### **Khuyến công tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 -2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3540/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 10 năm 2015  
của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

## **I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH:**

### **1. Mục tiêu tổng quát:**

- Huy động các nguồn lực trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các dịch vụ khuyến công nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa; Tạo việc làm, tăng thu nhập và góp phần xây dựng nông thôn mới; Nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Hỗ trợ các hoạt động sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp nhằm phát huy hiệu quả đầu tư phát triển sản phẩm công nghiệp, những ngành nghề, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh, các sản phẩm truyền thống của nông nghiệp, nông thôn.

- Khuyến khích, hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu; Giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người và bảo đảm phát triển bền vững.

### **2. Mục tiêu cụ thể:**

- Các Chương trình hỗ trợ:

+ Đào tạo, nâng cao tay nghề cho 800 ÷ 1000 lao động gắn với việc làm tại các cơ sở công nghiệp nông thôn.

+ Xây dựng 04 mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, công nghệ mới; Hỗ trợ 60 ÷ 70 lượt cơ sở công nghiệp nông thôn nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến; Hỗ trợ 05 mô hình xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn (CNNT) và tại các cụm công nghiệp.

+ Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất sạch hơn cho trên 40 lượt doanh nghiệp sản xuất công nghiệp; Hỗ trợ 05+07 cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn trong khâu sản xuất.

+ Hỗ trợ 80 ÷ 100 lượt cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm trong nước; Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu và đầu tư các phòng trưng bày sản phẩm cho 20 cơ sở công nghiệp nông thôn.

+ Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cho 02 cụm công nghiệp và đầu tư hạ tầng cho 01 cụm công nghiệp; Hỗ trợ 20+25 cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường đi dời hoạt động sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp tập trung.

+ Hỗ trợ công nhận, khen thưởng cho 80 ÷ 100 sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh.

- Thông tin tuyên truyền sâu rộng trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động khuyến công, về lợi ích áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

- Hoàn thiện mô hình quản lý và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công các cấp.

## **II. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH:**

### **1. Phạm vi Chương trình:**

- Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động. Hình thức đào tạo nghề, truyền nghề chủ yếu là ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp thông qua các hoạt động tư vấn, tập huấn, đào tạo, hội thảo, diễn đàn; Tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước. Hỗ trợ khởi sự, thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn. Hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp nông thôn.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; Chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp; Xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn.

- Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, thông qua tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ; Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu và đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

- Tư vấn trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong việc: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; Thành lập doanh nghiệp; Liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; Thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; Ứng dụng công nghệ - thiết bị mới. Tư vấn hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

- Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, thông qua các hình thức như: Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; Xuất bản các bản tin, ấn phẩm; Xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử; Tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác.

- Hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

- Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công.

## **2. Đối tượng áp dụng:**

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn, xã và các phường thuộc thành phố loại 2, loại 3, các phường thuộc thành phố loại 1 được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

## **3. Ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công:**

- Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm.

- Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu.

- Công nghiệp hoá chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Sản xuất vật liệu xây dựng.

- Sản xuất sản phẩm, phụ tùng; Lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ.

- Sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp.

- Khai thác, chế biến khoáng sản tại những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp; Xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

## **4. Nguyên tắc ưu tiên:**

a. Địa bàn ưu tiên: Ưu tiên các chương trình, đề án thực hiện tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của

pháp luật; Địa bàn các xã trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới do UBND tỉnh phê duyệt; Địa bàn các xã khó khăn theo quy định tại Quyết định số 1049/2014/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

**b. Ngành nghề ưu tiên:**

- Ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển công nghiệp cơ khí, hoá chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn; Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản; công nghiệp hỗ trợ; áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp.

- Ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; Sản phẩm thuộc các chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực; Công nghiệp mũi nhọn; Công nghiệp trọng điểm của quốc gia, vùng, miền và từng địa phương; Sản xuất các sản phẩm có thị trường xuất khẩu; Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động.

**5. Nguồn kinh phí, nguyên tắc sử dụng, nội dung và mức chi hoạt động khuyến công của Chương trình:**

Theo quy định Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Liên Bộ: Tài chính – Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương (Thông tư liên tịch 26), Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 02/10/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành quy định mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Quyết định 2586) và nguồn vốn đối ứng của cơ sở.

**III. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH:**

**1. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề:**

**a) Nội dung thực hiện**

- Hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở CNNT: Tập trung vào các ngành nghề truyền thống, các nghề có định hướng phát triển: Chế biến nông, lâm, thủy hải sản, thực phẩm; May công nghiệp, thêu ren; Hàng thủ công mỹ nghệ, hàng lưu niệm, hàng phục vụ du lịch, xuất khẩu và các nghề có nhu cầu của các cơ sở CNNT. Hình thức đào tạo chủ yếu là ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành, gắn với cơ sở CNNT để giải quyết việc làm và nâng cao tay nghề cho lao động.

- Hỗ trợ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, mở rộng sản xuất, thành lập thêm cơ sở CNNT. Xây dựng các đề án tổ chức cấy truyền nghề hoặc đào tạo nghề tại chỗ đối với những nghề có tiềm năng phát triển tại địa phương.

- Phối hợp với các trường dạy nghề, cao đẳng, đại học và các ngành liên quan triển khai hỗ trợ đào tạo các ngành nghề có tính đặc thù, có kỹ thuật chuyên

sâu đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển của các cơ sở công nghiệp nông thôn góp phần thực hiện kế hoạch đào tạo nghề của tỉnh.

#### **b) Dự kiến kết quả**

Đào tạo lao động thành nghề, nâng cao tay nghề gắn với việc làm tại các cơ sở CNNT cho 800÷1000 lao động.

**2. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp. Hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp nông thôn.**

#### **a) Nội dung thực hiện**

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn kiến thức theo các chuyên đề: Khởi sự doanh nghiệp, quản lý kinh doanh tổng hợp, quản trị nhân sự, tài chính - kế toán; marketing, sở hữu trí tuệ, hội nhập kinh tế... phù hợp với nhu cầu của các cơ sở CNNT và phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường trong thời kỳ hội nhập.

- Tổ chức hội thảo chuyên đề, tham quan, khảo sát, giới thiệu kinh nghiệm sản xuất kinh doanh, hội nhập kinh tế quốc tế, sở hữu trí tuệ, môi trường, quản trị doanh nghiệp, khoa học công nghệ mới, sản xuất sạch hơn... và các chủ đề khác liên quan đến sản xuất công nghiệp để trao đổi, nghiên cứu áp dụng vào cơ sở CNNT ở tỉnh.

- Tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, các hội nghị tập huấn về sản xuất sạch hơn nhằm nâng cao nhận thức về việc áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, nhằm giúp các doanh nghiệp công nghiệp hiểu sâu hơn về lợi ích của sản xuất sạch hơn để áp dụng vào cơ sở mình cho phù hợp.

- Hỗ trợ tổ chức cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tham quan, khảo sát thị trường, học tập kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh trong và ngoài nước; mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm CNNT.

#### **b) Dự kiến kết quả:**

- Hỗ trợ cho khoảng 60 cơ sở CNNT thực hiện các nội dung thành lập doanh nghiệp; Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh; Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm,...

- Tổ chức được 02 lớp khởi sự doanh nghiệp, 03 lớp nâng cao trình độ nghiệp vụ, 03 lớp tập huấn – hội thảo chuyên đề cho 400 lượt học viên đến từ trên 300 cơ sở CNNT.

- Tổ chức 02 đợt học tập kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở CNNT các tỉnh phía Bắc và phía Nam cho 10 cơ sở CNNT tiêu biểu trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức 04 lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức sản xuất sạch hơn cho 200 cơ sở CNNT.

**3. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật:**

**a) Nội dung thực hiện**

- Tổ chức tham quan mô hình, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, giới thiệu công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại cho các cơ sở công nghiệp nông thôn.

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật đầu tư sản xuất sản phẩm mới, áp dụng công nghệ mới để khuyến khích hiện đại hóa công nghệ và phát triển sản phẩm công nghiệp mới tại địa phương.

- Hỗ trợ xây dựng thí điểm nhằm nhân rộng các mô hình áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp.

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xử lý ô nhiễm môi trường; ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm công nghiệp lợi thế của tỉnh.

- Hỗ trợ các cơ sở CNNT thực hiện các đề án xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở CNNT và tại các cụm công nghiệp.

**b) Dự kiến kết quả:**

- Hỗ trợ 04 mô hình trình diễn kỹ thuật áp dụng công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới.

- Hỗ trợ 60 ÷ 70 mô hình chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc tiên tiến vào khâu sản xuất CN-TTCN.

- Hỗ trợ 05 mô hình xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở CNNT và tại các cụm công nghiệp.

- Hỗ trợ 05 ÷ 07 cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn trong khâu sản xuất.

**4. Xây dựng thương hiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, thông qua việc tổ chức bình chọn sản phẩm hàng năm. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong và ngoài nước. Hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu và đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại khác.**

**a) Nội dung thực hiện**

- Hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm hàng CNNT, hàng thủ công mỹ nghệ và các cơ sở CNNT đưa sản phẩm tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước;



- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, mây tre đan...;

- Hỗ trợ doanh nghiệp đầu mối thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, mây tre đan...;

- Hỗ trợ đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại khác;

- Hỗ trợ khen thưởng cơ sở CNNT có sản phẩm đạt sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh, cấp khu vực, cấp quốc gia.

#### **b) Dự kiến kết quả:**

- Tổ chức 02 đợt bình chọn và cấp giấy chứng nhận cho khoảng 140÷160 sản phẩm đạt sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp huyện; Tổ chức 02 đợt bình chọn và cấp giấy chứng nhận cho khoảng 80÷100 sản phẩm đạt sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh; Tổ chức 02 đợt sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh tham gia bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp khu vực và 02 đợt tham gia bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia (nếu có).

- Hỗ trợ khoảng 80+100 sản phẩm tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh; Tổ chức 01 hội chợ sản phẩm CNNT cho trên 200 gian hàng tiêu chuẩn và trên 300 cơ sở CNNT các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ tham gia hưởng lợi.

- Hỗ trợ 20 sản phẩm xây dựng, đăng ký thương hiệu sản phẩm và hỗ trợ đầu tư 02 phòng trưng bày, giới thiệu sản phẩm CNNT.

### **5. Chương trình tư vấn, cung cấp thông tin trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn.**

#### **a) Nội dung thực hiện**

- Hỗ trợ hoạt động tư vấn cho các cơ sở công nghiệp nông thôn trong lĩnh vực lập dự án đầu tư, quản trị doanh nghiệp, thành lập doanh nghiệp, liên doanh liên kết trong sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ và thiết bị mới, thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói.

- Tư vấn trợ giúp các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi của Trung ương và địa phương thuộc các lĩnh vực.

#### **b) Dự kiến kết quả:**

- Tư vấn trợ giúp cho 150 cơ sở CNNT trong việc lập dự án đầu tư, liên doanh, liên kết; tiếp cận các chính sách ưu đãi,... Hàng năm tổ chức tư vấn, tập huấn chính sách khuyến công trực tiếp tại các cơ sở CNNT, kết hợp khảo sát nhu cầu để xây dựng kế hoạch và nội dung tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng khác.

## **6. Cung cấp thông tin tuyên truyền:**

### **a) Nội dung thực hiện**

- Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh, bản tin, ấn phẩm, trang thông tin điện tử, tờ rơi và các hình thức thông tin đại chúng khác để cung cấp thông tin cho các cơ sở công nghiệp nông thôn về chính sách phát triển công nghiệp, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp.

- Tổ chức và hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia các cuộc thi, phát động, triển lãm nhằm quảng bá thông tin, tuyên truyền về hoạt động khuyến công.

- Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tiếp cận và khai thác cơ sở dữ liệu về thông tin thị trường và quảng bá doanh nghiệp.

### **b) Dự kiến kết quả:**

- Thực hiện 20 chương trình chuyên đề khuyến công phát trên kênh đài phát thanh và truyền hình Khánh Hòa.

- Phát hành 10 bản tin khuyến công và xúc tiến thương mại Khánh Hòa.

- Duy trì, từng bước hoàn thiện trang thông tin điện tử Trung tâm Khuyến công và xúc tiến thương mại Khánh Hòa.

## **7. Hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường:**

### **a) Nội dung thực hiện**

- Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp liên kết vệ tinh sản xuất các mặt hàng phụ trợ; Mô hình liên kết cơ sở sản xuất thủ công mỹ nghệ truyền thống với các doanh nghiệp du lịch;

- Hỗ trợ xây dựng cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp;

- Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp và hỗ trợ thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp;

- Hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp;

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp.

### **b) Dự kiến kết quả**

- Hỗ trợ 01+02 đề án cơ sở CNNT thành lập hiệp hội, hội ngành nghề, liên kết hợp tác sản xuất kinh doanh.

- Hỗ trợ 02 đề án lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho 01 cụm công nghiệp, tạo điều kiện cho khoảng 50+60 cơ sở CNNT được thụ hưởng từ đề án.

## **8. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công:**

### **a) Nội dung thực hiện**

- Tham mưu cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến công hiện hành cho phù hợp với tình hình thực tế; Ban hành chính sách mới, đủ mạnh để khuyến khích, hỗ trợ cơ sở CNNT phát triển theo hướng bền vững; Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thực hiện một cách hiệu quả chính sách khuyến khích của nhà nước.

- Triển khai xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm, từng giai đoạn; Sơ kết, tổng kết chương trình, kế hoạch khuyến công theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền; Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai các hoạt động khuyến công trên địa bàn toàn tỉnh;

- Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại; Xây dựng hoàn thiện mô hình hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn chính sách khuyến công đến các cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về khuyến công, các công tác viên khuyến công (nếu có), một số cán bộ quản lý cơ sở CNNT và một số lãnh đạo xã, phường.

- Tổ chức học tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công tại các tỉnh, thành phố cho các cán bộ quản lý nhà nước về công nghiệp, khuyến công.

### **b) Dự kiến kết quả**

- Tổ chức 02 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về khuyến công cho cán bộ làm công tác khuyến công, công tác viên khuyến công (nếu có) trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức 08 lớp tập huấn chính sách khuyến công cho cán bộ làm công tác khuyến công, công tác viên khuyến công (nếu có), một số cơ sở CNNT và một số nhà đầu tư có ý tưởng đầu tư sản xuất công nghiệp tại địa bàn nông thôn.

- Tổ chức 02 đợt công tác tham quan, học tập kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà nước về khuyến công tại khu vực phía Bắc và phía Nam cho các lãnh đạo, cán bộ làm công tác khuyến công các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ sở CNNT.

- Hàng năm thực hiện tốt nội dung mang tính thường xuyên của chương trình như: Xây dựng kế hoạch khuyến công, sơ-tổng kết chương trình, kế hoạch, tham mưu sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến công,... Đặc biệt là thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công trên địa bàn quản lý.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:**

##### **1. Tổng kinh phí thực hiện chương trình: 97.110.000.000 đồng, trong đó:**

- Nguồn kinh phí khuyến công quốc gia: 4.220.000.000 đồng
- Nguồn kinh phí khuyến công địa phương: 12.890.000.000 đồng
- Nguồn vốn đối ứng của đơn vị thụ hưởng: 80.000.000.000 đồng

##### **2. Kinh phí thực hiện chương trình phân theo hàng năm: Bảng biểu đính kèm**

#### **V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:**

##### **1. Giải pháp về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến công:**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn; Thường xuyên cập nhật và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng chuyển tải các thông tin về tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn, thông tin về chính sách mới, thông tin về áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới,... cho các cơ sở công nghiệp nông thôn. Nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về vị trí, vai trò tầm quan trọng của việc phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Đặc biệt là làm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn biết được chính sách và nội dung hoạt động của chương trình khuyến công, từ đó tích cực chủ động tham gia, thụ hưởng chính sách hỗ trợ để phát triển sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, qua đó góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

- Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công, tạo ra bước đột phá thúc đẩy công nghiệp nông thôn phát triển bền vững.

- Thường xuyên rà soát lại những cơ chế, chính sách đã ban hành; Đánh giá đúng những tồn tại, bất cập trong thực tế triển khai thực hiện cơ chế, chính sách; Trên cơ sở đó tham mưu cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện.

- Từng bước hoàn thiện công tác cải cách thủ tục hành chính, tiến tới thực hiện dịch vụ hành chính công qua mạng cấp độ 3 (các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục qua mạng) đối với thủ tục, hồ sơ đề nghị hỗ trợ khuyến công, để ngày càng có nhiều tổ chức, cá nhân thụ hưởng được chính sách khuyến công theo đúng mục tiêu của Chương trình.

##### **2. Giải pháp nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về khuyến công:**

- Tổ chức đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khuyến công, đội ngũ cán bộ viên chức của các tổ chức dịch vụ khuyến công và cộng tác viên khuyến công các cấp (nếu có) theo hướng chuyên nghiệp hóa; Nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh mô hình hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá các hoạt động khuyến công hàng quý, năm, giai đoạn, trên cơ sở đó rút ra bài học kinh nghiệm và đề ra những giải pháp nhằm từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước về khuyến công.

### **3. Giải pháp lồng ghép chương trình khuyến công với thực hiện các Chương trình mục tiêu khác:**

Trong quá trình sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công, nên kết hợp lồng ghép với các nguồn kinh phí hỗ trợ từ các chương trình khác như chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chương trình phát triển ngành nghề nông thôn,... Để tạo ra một hệ thống chính sách hỗ trợ đủ mạnh nhằm khuyến khích, thu hút nguồn vốn của các tổ chức, các nhân và của toàn xã hội đầu tư phát triển CNNT.

### **4. Giải pháp về nguồn nhân lực, thị trường tiêu thụ sản phẩm và khoa học công nghệ:**

- Về nguồn nhân lực: Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp cho cán bộ quản lý; Đào tạo, bồi dưỡng nghề cán bộ kỹ thuật cho các cơ sở CNNT theo phương pháp cầm tay chỉ việc (hình thức truyền nghề tại cơ sở CNNT).

- Về thị trường: Hỗ trợ tiếp cận thị trường thông qua công tác thông tin, tiếp thị, xúc tiến thương mại, trưng bày giới thiệu sản phẩm; Hỗ trợ cho các cơ sở CNNT tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài tỉnh; Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, đăng ký bảo hộ độc quyền cho các cơ sở CNNT; Đặc biệt là tạo điều kiện để các cơ sở CNNT tham gia vào các chương trình liên kết vùng – miền trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Về giải pháp khoa học công nghệ: Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở cơ sở CNNT nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ. Ưu tiên hỗ trợ các cơ sở CNNT đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào khâu sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở CNNT; Đẩy mạnh thực hiện chương trình SXSH trong công nghiệp.

### **5. Giải pháp tăng cường sự phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước với các đoàn thể chính trị - xã hội - nghề nghiệp để triển khai có hiệu quả các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh:**

Xây dựng và triển khai thực hiện tốt các nội dung, chương trình phối hợp hoạt động về khuyến công giữa Sở Công Thương với tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội – nghề nghiệp trong tỉnh như: Hội Nông dân tỉnh; Liên minh HTX tỉnh; Hội Phụ nữ tỉnh; Hội liên hiệp khoa học kỹ thuật tỉnh; Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh,...

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Công Thương:**

- Là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình. Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí khuyến công địa phương hàng năm thực hiện Chương trình trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn thực hiện Chương trình khuyến công.

- Chủ trì, xây dựng các dự án khuyến công có sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành hướng dẫn UBND cấp huyện, các đoàn thể chính trị - xã hội - nghề nghiệp tổ chức triển khai thực hiện chương trình; Tổ chức kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Khánh Hòa là đơn vị sự nghiệp, trực thuộc Sở Công Thương có trách nhiệm triển khai các hoạt động khuyến công theo chương trình, kế hoạch đã được UBND tỉnh duyệt. Sử dụng có hiệu quả kinh phí khuyến công và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, thanh quyết toán theo quy định của Nhà nước.

- Sở Công Thương có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện hàng năm của Chương trình; Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

### **2. Sở Tài chính:**

Cân đối ngân sách, tham mưu bố trí nguồn kinh phí cho Chương trình khuyến công; đồng thời phối hợp với Sở Công thương và các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả.

### **3. Các sở, ban, ngành khác có liên quan:**

Căn cứ theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Công thương trong công tác tổ chức triển khai thực hiện chương trình.

### **4. UBND cấp huyện:**

- Tuyên truyền về cơ chế, chính sách khuyến công của Trung ương, của tỉnh đến đối tượng thụ hưởng trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công thương phổ biến, hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra giám sát các phòng, ban, UBND các xã, phường, thị trấn tại địa phương thực hiện Chương trình khuyến công.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công hàng năm theo các nội dung Chương trình khuyến công quy định tại Quyết định này và hướng dẫn của Sở Công thương.

- Tổ chức và huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu của tỉnh, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội với các đề án khuyến công thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

**5. Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa, Đài phát thanh & truyền hình cấp huyện và các phương tiện thông tin đại chúng khác:**

Thường xuyên thông tin, tuyên truyền chủ trương chính sách khuyến khích phát triển CNNT; Giới thiệu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh về các nội dung mô hình trình diễn kỹ thuật, mô hình ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào khâu sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, mô hình áp dụng sản xuất sạch hơn, mô hình sản xuất kinh doanh tốt, doanh nhân thành đạt...; Phối hợp với Sở Công Thương, UBND cấp huyện và các cơ sở CNNT trong việc thực hiện một cách hiệu quả các chuyên đề khuyến công trên truyền hình, góp phần thực hiện công tác thông tin tuyên truyền, tạo động lực thúc đẩy các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh và sự phát triển bền vững của các cơ sở CNNT.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các sở, ngành và UBND cấp phản ánh về Sở Công Thương tổng hợp báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

**CHỦ TỊCH**



*Trần Sơn Hải*  
**Trần Sơn Hải**

Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công giai đoạn 2016-2020

EVT: Triệu đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tổng cộng 2016-2020		
		NS TW	NS ĐP	NS TW	NS ĐP	NS TW	NS ĐP	NS TW	NS ĐP	NS TW	NS ĐP	Tổng	KCQG	KCDF
1	Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề				70	120	60		70		70	390	120	270
2	Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp. Hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu các sản phẩm CNNT		170,0	20	100	20	100	20	100	20	100	650	80	570,0
3	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật	200	1 765	500	1 500	500	1 600	500	1 700	500	1 800	10 565	2 200	8 365
4	Xây dựng thương hiệu sản phẩm CNNT tiêu biểu, thông qua việc tổ chức bình chọn sản phẩm hàng năm. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong và ngoài nước. Hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu và đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại khác.	1 120	90		600		300		600		300	3 010	1 120	1 890
5	Chương trình tư vấn, cung cấp thông tin trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn		20		100		100		100		100	420	0	420
6	Cung cấp thông tin tuyên truyền		125,0		150		150		150		150	725	0	725,0
7	Hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường				50	350	50		50	350	50	900	700	200
8	Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công		50		100		100		100		100	450	0	450
		1 320	2 220	520	2 670	990	2 460	520	2 870	870	2 670	17 110	4 220	12 890